TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- Đ** TỈNH Đ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 02- 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- Đ, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tạ Thị Mùa

2. Bà Lò Thị Hiêng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ, tỉnh Đ.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2026/QĐST- HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị Hải Y. Địa chỉ: Số nhà 27, tổ dân phố 04, phường T (Nay là phường B), tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do);

2. *Bị đơn*: Anh Vũ Thanh T. Địa chỉ: Số nhà 743, tổ dân phố 03, phường T (Nay là phường B), tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Hải Y trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Y và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/20212 tại UBND phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Hai vợ chồng chị Y, anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2015, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, do tình cảm vợ chồng đã hết, có cố gắng hàn gắn cũng không

có hạnh phúc. Trong thời gian hai vợ chồng sinh sống, những mâu thuẫn phát sinh trong gia đình chỉ có hai vợ chồng biết, chính quyền địa phương chưa bao giờ phải can thiệp vào các mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Hoàng D, sinh ngày 02/11/2013. Khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu D hiện đang sinh sống cùng chị Y.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Y đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của Tòa án, nhưng do công việc bận, nên không thể tham gia phiên toà được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

2. Đối với bị đơn anh Vũ Thanh T: Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập anh T đến Toà án để tiến hành lấy lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y.

3. Tại đơn xin xác nhận đề ngày 20/01/2026 của chị Y (Có xác nhận của chính quyền địa phương), thể hiện:

Trong thời gian hai vợ chồng sinh sống tại địa phương, những mâu thuẫn phát sinh trong gia đình chị Y, anh T chỉ có hai vợ chồng biết, không ai biết, chính quyền địa phương không can thiệp vào mâu thuẫn của vợ chồng chị Y, anh T.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, nên các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Y có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1-Đ giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28/BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Bị đơn cư trú tại phường T (Nay là phường B), tỉnh Đ. Nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ.

Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với anh T: Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228/BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Y và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyên, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Y cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, chị và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt, không có ý kiến phản đối.

Xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T cho đến nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị Y được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị Y, anh T có 01 con chung là cháu Vũ Hoàng D, sinh ngày 02/11/2013. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng chị Y.

Xét thấy: Hiện cháu D đang sinh sống cùng chị Y, cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu không bị xáo trộn thì việc để chị Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản và nợ: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Hải Y về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hải Y được ly hôn với anh Vũ Thanh T;

1.2. Về con chung: Chị Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vũ Hoàng D, sinh ngày 02/11/2013, đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị Hải Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0000212 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh B. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273/BLTTDS, chị Y, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1- Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án DS tỉnh Đ;
- Toà án tỉnh Đ;
- UBND phường Nam Đồng, Hà Nội (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành